BC THÔNG TIN LIÊN LẠC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1525/QĐ -TCĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua sắm vật tư, linh kiện
Phục vụ củng cố, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT THÔNG TIN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ V/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-TCĐ ngày 20/10/2022 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Đầu tư Mua sắm vật tư, linh kiện phục vụ củng cố, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật;

Căn cứ Báo cáo đánh giá số 110/BC-TCG ngày 07/11/2022 của Tổ chuyên gia/Trường CĐKT Thông tin về việc đánh giá E-HSDT Gói thầu: Mua sắm vật tư, linh kiện phục vụ củng cố, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 11/11/2022 giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật thông tin và Công ty TNHH Nano Quantum Vina INC;

Căn cứ Tờ trình số 75/TTr-P4 ngày 14/11/2022 của Phòng Kỹ thuật về việc xin phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư, linh kiện phục vụ củng cố, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật;

Căn cứ Báo cáo số 1513/BC-HĐMS-ĐTXD ngày 14/11/2022 của Hội đồng Mua sắm/Trường Cao đẳng Kỹ thuật thông tin về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư, linh kiện phục vụ củng cố, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư, linh kiện phục vụ củng cố, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật, với các nội dung như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Nano Quantum Vina INC.

- Địa chỉ: Số 12/140 phố Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội.

- Mã số thuế: 0101 7591 098.

- Tài khoản số: 9993.6363.8368

- Tên tài khoản: Công ty TNHH Nano Quantum Vina INC

- Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Ba Đình.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01017591098 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp (Đăng ký lần đầu ngày 07/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 16/9/2022).

2. Giá trúng thầu**: 865.607.000 VNĐ** (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng), đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng, trong nước.

4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

6. Nguồn vốn: Ngân sách QPTX năm 2022 (Kinh phí: Sửa chữa tài sản chuyên dùng tại đơn vị - Thông tin; Mục 6900 - Tiểu mục 6905 - Tiết mục 30 - Ngành 04; Kinh phí nghiệp vụ).

Điều 2. Phòng Kỹ thuật có trách nhiệm tổ chức thực hiện gói thầu được chỉ định tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về quản lý, sử dụng tài sản Quốc phòng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thủ trưởng Phòng Kỹ thuật và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Nhà thầu;
- B8;
- Lưu: VT, P4. V04;

HIỆU TRƯỞNG

Đại tá Lê Văn Hoan

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số:1525/QĐ-TCĐ ngày 15/11/2022 của Trường CĐKTTT)

ĐVT: Đồng

STT	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nước sản xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4*7)
1	Bán dẫn STK65055III	Cái	38	IC biến tần, Sai số 5%	Trung Quốc	890.000	33.820.000
2	Bán dẫn D72020C8	Cái	53	IC biến tần, Sai số 5%	Trung Quốc	347.000	18.391.000
3	Bán dẫn PS219A5-ASTX	Cái	53	IC Công suất, dòng điện 20A	Trung Quốc	347.000	18.391.000
4	Bán dẫn PS219A4-ASTX	Cái	53	IC Công suất, dòng điện 20A	Trung Quốc	377.000	19.981.000
5	Bán dẫn STK650-414	Cái	70	IC điều khiển, sai số 5%	Trung Quốc	147.000	10.290.000
6	Bán dẫn TL074CDR-SMD	Cái	70	SMD dán, băng thông 3MHz	Trung Quốc	62.000	4.340.000
7	Bán dẫn LA4440	Cái	70	IC khuếch đại công suất, điên áp 12VDC	Trung Quốc	122.000	8.540.000
8	Bán dẫn A1106	Cái	70	Bán dẫn chuyên dụng, tần số 20MHz	Trung Quốc	28.000	1.960.000
9	Bán dẫn C2385	Cái	80	Bán dẫn chuyên dụng, tần số 20MHz	Trung Quốc	262.000	20.960.000
10	Bán dẫn C1815	Cái	76	Bán dẫn chuyên dụng, tần số 20MHz	Trung Quốc	377.000	28.652.000
11	Vi mạch LM 324	Cái	12	IC khuếch đại động	Trung Quốc	13.000	156.000
12	Vi mạch MT8870DE	Cái	12	IC mạch thu, giải mã	Trung Quốc	13.000	156.000
13	Vi mạch 74 LS244	Cái	20	IC điều khiển đường dây	Trung Quốc	63.000	1.260.000
14	Vi mạch 74LS251	Cái	20	IC điều khiển đường dây	Trung Quốc	28.000	560.000
15	Vi mạch 74LS280	Cái	20	IC điều khiển đường dây	Trung Quốc	23.000	460.000
16	Vi mạch MH 8970	Cái	10	Mạch thu tín hiệu thoại.	Trung Quốc	543.000	5.430.000
17	Vi mạch MT 8920	Cái	10	Mạch thu tín hiệu thoại.	Trung Quốc	547.000	5.470.000

STT	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nước sản xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4*7)
18	Bán dẫn BLV1112	Cái	20	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	947.000	18.940.000
19	Bán dẫn BCX7008J	Cái	20	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	177.000	3.540.000
20	Bán dẫn BCX7108J	Cái	20	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	177.000	3.540.000
21	Bán dẫn BFS1710J	Cái	40	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	137.000	5.480.000
22	Bán dẫn BFT4606J	Cái	40	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	137.000	5.480.000
23	Bán dẫn IISC1917J	Cái	30	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	157.000	4.710.000
24	Bán dẫn TOPY 1227J	Cái	30	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	157.000	4.710.000
25	Điều hưởng AT	Bộ	13	Bộ điều hưởng an ten chuyên dụng.	Trung Quốc	647.000	8.411.000
26	Bán dẫn LM2576T	Cái	40	Mạch nguồn điều chỉnh điện áp một chiều.	Trung Quốc	148.000	5.920.000
27	Bán dẫn 2SK125	Cái	40	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	148.000	5.920.000
28	Bán dẫn T-IRF40J	Cái	50	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	118.000	5.900.000
29	Bán dẫn T-IRFBE30J	Cái	50	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	118.000	5.900.000
30	Bán dẫn T-DG122C	Cái	20	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	118.000	2.360.000

STT	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nước sản xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4*7)
31	Bán dẫn T-DG103C	Cái	20	Bán dẫn công suất cao tần, sử dụng dải sóng ngắn.	Trung Quốc	118.000	2.360.000
32	Thạch anh 10,2385MHz	Cái	10	Thạch anh chuyên dụng, sử dụng ở dải cao tần.	Trung Quốc	118.000	1.180.000
33	Bộ lọc M07-12	Bộ	10	Bộ lọc thạch anh chuyên dụng, sử dụng ở dải cao tần.	Trung Quốc	847.000	8.470.000
34	Bộ lọc M02-9	Bộ	10	Bộ lọc thạch anh chuyên dụng, sử dụng ở dải cao tần.	Trung Quốc	847.000	8.470.000
35	Rơ le	Cái	10	Công tắc tự động đóng ngắt dòng điện trên bảng mạch.	Trung Quốc	187.000	1.870.000
36	Chiết áp WI 1608-FK-M1-47K	Cái	10	Công tắc ON/OFF kiêm chiết áp điều chỉnh âm lượng.	Trung Quốc	62.000	620.000
37	Máy ảnh Nikon Coolpix B700	Bộ	1	4K full HD, 30 hình/giây	Nhật Bản	9.257.000	9.257.000
38	Ổ cứng SSD 1T Samsung PM991	Cái	1	Đọc/ghi ngẫu nhiên 180k/260k IOPS	Hàn Quốc	4.397.000	4.397.000
39	Màn hình ti vi Samsung 32 inch	Cái	3	4K full HD	Hàn Quốc	6.497.000	19.491.000
40	Bộ biến đổi quang điện HL-2111S-20AB	Bộ	3	Tốc độ chuyển 10/100/1000 Mbps	Trung Quốc	2.597.000	7.791.000
41	Bộ biến đổi AV/HDMI Ugreen	Bộ	2	Hỗ trợ 720/1080p	Trung Quốc	247.000	494.000
42	Bộ chia HDMI 8 cổng Ugreen	Bộ	1	Hỗ trợ hình ảnh 2K,4K	Trung Quốc	1.647.000	1.647.000
43	Camera IP Dahua DH-SD2920UE-GN	Chiếc	3	Chống ngược sáng WDR(120db)	Trung Quốc	6.596.000	19.788.000

STT	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nước sản xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4*7)
44	Đầu ghi hình Hikvision HP-5604NI-PRO	Bộ	1	4K full HD	Trung Quốc	5.496.000	5.496.000
45	Phiến Krone LSA-PLUS VNPT	Phiến	20	10 vị trí nhấn	Việt Nam	148.000	2.960.000
46	Đế phiến Krone VNPT	Cái	9	Đồng bộ phiến	Việt Nam	137.000	1.233.000
47	Modul quang MGBLH1 Cisco 10G-1310nm	Cái	4	Tốc độ truyền dữ liệu: 10Gbps	Mỹ	3.196.000	12.784.000
48	Modul FE/L1 Cisco 10/1000Bas	Cái	4	Tốc độ truyền dữ liệu: 100Mbps	Mỹ	2.396.000	9.584.000
49	Dây nhảy quang SC/SC VNPT	Sợi	52	3m, suy hao <0,3dB	Việt Nam	87.000	4.524.000
50	Dây nhảy quang FC/FC VNPT	Sợi	40	3m, suy hao <0,3dB	Việt Nam	87.000	3.480.000
51	Dây pigtail SC VNPT	Sợi	72	1,5m, suy hao <0,3dB	Việt Nam	43.000	3.096.000
52	Dây pigtail FC VNPT	Sợi	36	1,5m, suy hao <0,3dB	Việt Nam	43.000	1.548.000
53	Cáp mạng Commscope AMP Cat6 UTP	Cuộn	4	Tốc độ truyền 1000 Mbps	Mỹ	2.896.000	11.584.000
54	Chống sét thuê bao K5-110 VNPT	Chiếc	6	Bảo an 5 điểm	Việt Nam	1.846.000	11.076.000
55	Chống sét thuê luồng HSP-10 VNPT	Chiếc	6	Bảo an 5 điểm	Việt Nam	1.846.000	11.076.000
56	Dây USB to com Ugreen	Sợi	3	1,5m, hỗ trợ R232	Trung Quốc	187.000	561.000
57	Măng xông cáp quang 12FO VNPT	Cái	8	Chất liệu nhựa ABS	Việt Nam	677.000	5.416.000
58	Biển treo cáp quang quân sự	Cái	200	Kích thước 10x15 cm	Việt Nam	13.000	2.600.000
59	Gông treo cáp cột tròn mạ kẽm	Bộ	160	Thép mạ kẽm	Việt Nam	262.000	41.920.000
60	Gông treo cáp cột vuông	Bộ	40	Thép mạ kẽm	Việt Nam	162.000	6.480.000
61	Kẹp cáp 2 lỗ 3 rãnh mạ kẽm	Cái	200	Thép mạ kẽm	Việt Nam	32.000	6.400.000

STT	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nước sản xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4*7)
62	Ống nhựa PVC-U 2 mảnh d40 (4m) VNPT	Cái	800	Chất liệu nhựa PVC-U, vàng	Việt Nam	112.000	89.600.000
63	Nẹp ống nhựa PVC d40 VNPT	Bộ	1600	Chất liệu nhựa PVC-U, vàng	Việt Nam	2.800	4.480.000
64	Kẹp hãm ống nhựa dưới đất	Cái	800	Chất liệu nhựa PVC-U, vàng	Việt Nam	1.800	1.440.000
65	Dây tiếp địa M70 Cadisun	Mét	180	Chất liệu đồng	Việt Nam	257.000	46.260.000
66	Dây tiếp địa M50 Cadisun	Mét	45	Chất liệu đồng	Việt Nam	117.000	5.265.000
67	Dây tiếp địa M10 Cadisun	Mét	60	Chất liệu đồng	Việt Nam	43.000	2.580.000
68	Cọc đồng tiếp địa	Bộ	27	Chất liệu đồng	Việt Nam	607.000	16.389.000
69	Bảng đồng trung gian	Bộ	3	Chất liệu đồng	Việt Nam	445.000	1.335.000
70	Môi chất dẫn điện	Túi	27	Chất dẫn điện làm tăng tính dẫn điện của đất	Việt Nam	846.000	22.842.000
71	Hàn the	Hộp	10	Chất môi nóng chảy đồng	Việt Nam	116.000	1.160.000
72	Que hàn đồng Hariss	Thanh	60	Que hàn vảy đồng	Mỹ	17.000	1.020.000
73	Bộ lưu điện UPS Santak Blazer 1000W	Bộ	3	Tần số 50 Hz	Trung Quốc	3.896.000	11.688.000
74	Vòi phun nhiên liệu MPC110	Bộ	4	Kim phun nhiên liệu vào buồng đốt máy nổ đồng bộ; bảo đảm độ phun tơi.	Singapo	3.196.000	12.784.000
75	Bơm dầu MPC110	Cái	1	Bơm dầu diezel, điện áp 1P/220V-50Hz	Singapo	4.296.000	4.296.000
76	Tuy ô cao áp MPC110	Cái	4	Tuy ô dẫn dầu cao áp, chịu được áp suất bơm.	Singapo	446.000	1.784.000

STT	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nước sản xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4*7)
77	Bầu lọc (thô, tinh) MPC110	Cái	2	Bầu lọc làm sạch các tạp chất cơ học và nước trong nhiên liệu.	Singapo	946.000	1.892.000
78	Gioăng phớt MPC110	Bộ	1	Gioang phớt chuyên dụng cho máy, đảm bảo độ kín, khít cho mặt máy.	Singapo	2.496.000	2.496.000
79	Bơm nước MPC110	Cái	1	Bơm nước làm mát đủ áp suất, không bị dò rỉ nước.	Singapo	4.496.000	4.496.000
80	Mạch điều chỉnh điện áp ra MPC110	Bộ	1	Mạch điều chỉnh điện áp ra công suất lớn.	Singapo	10.497.000	10.497.000
81	Mô tơ phát điện MPC110	Bộ	1	Mô tơ phát điện đề máy nổ chuyên dụng; dủ công suất kích, phát.	Singapo	7.496.000	7.496.000
82	Dây cáp máy đề MPC110	m	3	Dây cáp điện nối từ bộ đề đến ắc quy; đủ chịu tải công suất.	Singapo	346.000	1.038.000
83	Két nước SF100	Cái	1	Hệ thống làm mát động cơ, nơi chứa nước làm mát máy nổ.	Mỹ	6.796.000	6.796.000
84	Tổng bơm cao áp SF100	Bộ	1	Bơm dầu động cơ; bơm nhiên liệu đủ áp suất vòi phun.	Mỹ	13.496.000	13.496.000
85	Cánh quạt gió SF100	Cái	1	Cánh quạt làm mát động cơ.	Mỹ	2.496.000	2.496.000
86	Máy nạp SF100	Cái	1	Nguồn nạp cho ắc quy; bảo đảm đúng điện áp, nạp đủ dung lượng 12V-135Ah	Mỹ	7.496.000	7.496.000

STT	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đặc tính kỹ thuật	Nước sản xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4*7)
87	Ống xả SF100	Cái	1	Bảo đảm độ giảm thanh của máy.	Mỹ	5.096.000	5.096.000
88	Tuy ô dẫn dầu SF100	Mét	3	Tuy ô dẫn dầu, chịu được áp suất bơm	Mỹ	446.000	1.338.000
89	Vòng găng SF100	Bộ	4	Bảo đảm độ kín khít của buồng đốt.	Mỹ	1.396.000	5.584.000
90	Dây amiăng chống ồn	Kg	6	Dây vải amiang chịu nhiệt, chống ồn máy nổ.	Việt Nam	546.000	3.276.000
91	Sơn Epoxy (Thùng 20 lít)	Thùng	32	Sơn sàn, chống băm bụi, bong chóc, nứt	Hàn Quốc	2.296.000	73.472.000
92	Bàn gạt, bả sơn	Cái	20	Kính thước con lăn: 23cm	Việt Nam	18.000	360.000
93	Thang nhôm rút	Cái	1	Chiều cao tối đa: 5m (rút gọn: 1m)	Nhật Bản	3.897.000	3.897.000
94	Băng dính điện nano	Cuộn	80	Quy cách: 0,12mm x 18mm x 10Y	Việt Nam	8.000	640.000
95	Lạt thít (túi 100 sợi)	Túi	15		Việt Nam	48.000	720.000
96	Lạt thít (túi 300 sợi)	Túi	5		Việt Nam	67.000	335.000
97	Dây điện 2x2.5 Vinakip	Mét	40	Điện áp chịu tải tối đa 450VAC	Việt Nam	18.000	720.000
98	Ổ cắm 3 lỗ Vinakip	Cái	4	Số ổ cắm: 03 ổ	Việt Nam	17.000	68.000
99	Thiếc hàn Nhật Minh	Cuộn	44	Thành phần: Thiếc 63%, Chì 37%	Việt Nam	14.000	616.000
100	Nhựa thông Quảng Ninh	Kg	1,5	Vật liệu: Nhựa thông, hóa chất phụ gia	Việt Nam	418.000	627.000
101	Dây điện đơn 0.3mm Vinakip	Mét	65		Việt Nam	7.000	455.000
Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí							**865.607.000**

Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng.